

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Đức Dũng và ông Lê Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1985; nghề nghiệp: nhân viên; nơi đăng ký thường trú và cư trú: số 151, tổ S, ấp T, xã B, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (*vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* anh Lê Văn D, sinh năm: 1980; nghề nghiệp: làm rẫy; nơi đăng ký thường trú và cư trú: số 292, tổ S, ấp T, xã B, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Lê Văn D tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, tổ chức đám cưới từ năm 2003 nhưng đến năm 2005 cả hai mới đi đăng ký kết hôn. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh D có tính bạo lực, uống rượu say xỉn là đánh đập chị; từ khi vợ chồng cưới nhau cho đến nay anh D đã đánh chị rất nhiều lần, nhưng vì con nên chị chịu đựng. Đến nay anh D cũng vẫn thường xuyên đánh nên chị đã bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh D, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Về con chung: Anh chị có hai người con chung là các cháu Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 19/4/2004 (hiện đang ở cùng chị Đ) và cháu Lê Đăng K, sinh ngày 12/4/2008 (đang ở cùng anh D). Sau khi ly hôn, chị

có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, giao cháu K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Vì mỗi người nuôi một cháu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy khai sinh (bản sao), bản tự khai, đơn đề nghị, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2020 anh Lê Văn D trình bày: Anh đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng do anh bận công việc nên không ra Tòa làm việc được. Nay chị Đ nộp đơn xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn, lý do: thứ nhất, là vì anh đã lớn tuổi không muốn lập gia đình thêm lần nữa; thứ hai, là con cái đã lớn không muốn con phải xấu hổ khi ba mẹ ly hôn. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo lời trình bày của chị Đ là có, vợ chồng anh thường xuyên cãi nhau, anh có uống rượu say xỉn, đánh đập vợ, từ khi cưới cho đến nay anh cũng có đánh chị Đ mấy lần. Lý do anh đánh chị Đ là vì chính chị Đ cũng hung dữ, nóng nảy, trong lúc anh có uống rượu, nóng giận mà chị Đ còn thách thức nên anh mới đánh. Về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung anh đều đồng ý theo lời trình bày và yêu cầu của chị Đ.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp: Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành xác minh, thu thập được các tài liệu, chứng cứ: biên bản lấy lời khai nguyên đơn, bị đơn và các cháu N, K; biên bản xác minh.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; cả hai đương sự vắng tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt cả hai đương sự là phù hợp.

+ Về áp dụng pháp luật đề nghị áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) năm 2014 và quy định tại các điều 85, 89, 91, 92, 93 và 94 của Luật HN&GD năm 2000 để giải quyết vụ án.

+ Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đ được ly hôn với anh D. Về con chung giao cháu Lê Thị Tuyết N cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Đăng K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh D, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Lê Văn D và yêu cầu giải quyết giao quyền nuôi con chưa thành niên nên xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng

dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị Đ là nguyên đơn, anh D là bị đơn; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM.

Nguyên đơn (chị Nguyễn Thị Đ) và bị đơn (anh Lê Văn D) đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê văn D tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 06/6/2005 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn nhận thấy: Theo lời trình bày của chị Đ thì cuộc sống hôn nhân của anh chị ngay từ thời gian đầu đã không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh D thường uống rượu say xỉn rồi đánh đập chị rất nhiều lần, nay do không chịu được tính bạo hành của anh D nên chị đã bỏ nhà đi và anh chị sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Bản thân anh D cũng thừa nhận đã nhiều lần đánh đập chị Đ và việc vợ chồng xảy ra cãi vã là thường xuyên, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy: lý do mà anh D nêu ra để không đồng ý ly hôn không phải vì anh còn tình cảm yêu thương chị Đ, trong khi hành vi bạo lực trong gia đình, phân biệt đối xử với con cái của anh D đã làm cho vợ chồng mâu thuẫn; mặt khác, anh D không chấp hành triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, chứng tỏ anh D không thật sự mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Đ và anh D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại trên thực tế, hôn nhân không hạnh phúc nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đ được ly hôn anh D.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: các bên thống nhất được việc giao quyền nuôi con chưa thành niên nên Tòa án ghi nhận, cụ thể: giao cháu Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 19/4/2004 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Đăng K, sinh ngày 12/4/2008 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng, pháp luật áp dụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 51, 53, 131 của Luật HN&GD năm 2014 và các điều 89, 92, 93, 94 của Luật HN&GD năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Lê Văn D.
2. Về con chung: giao cháu Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 19/4/2004 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao cháu Lê Đăng K, sinh ngày 12/4/2008 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Tạm thời chị Đ, anh D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Đ, anh D vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản; và khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001917 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; chị Đ đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VSKND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B;
- Lưu HS, AV.

Hà Thế Nam